| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**H1ỆN VĨNH CỬU**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 6 - 2023.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN H1ỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Đại.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hoàng Thị Hồng Quyên.
2. Ông Đặng Văn Nga.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Đình Vạn - Thư ký Tòa án nhân dân H1ện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân H1ện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Cao Kỷ Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân H1ện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 602/2022/TLST-HNGĐ ngày 28/12/2022, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Lương Thị Hồng D, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: Số 259/10, tổ 1, ấp 5, xã B, H1ện V, tỉnh Đ.

2. *Bị đơn:* Ông Trịnh Thanh H, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: Số 259/10, tổ 1, ấp 5, xã B, H1ện V, tỉnh Đ.

*(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).*

**NỘI D VỤ ÁN:**

** Đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết nguyên đơn bà Lương Thị Hồng D trình bày:*

Bà và ông H tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Bình Lợi, H1ện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tới năm 2012 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, cả

hai không hợp tính tình, không tìm được tiếng nói chung dẫn tới gia đình bất hòa, thường xuyên cãi vã; bà và ông H vẫn sống chung nhưng không còn tình cảm, mạnh ai nấy sống, không còn sự quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Hai vợ chồng đã tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Bà và ông H có 01 con chung tên Trịnh Gia H1, sinh ngày 22/02/2006. Ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Trịnh Thanh H đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc và cung cấp lời khai.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định Bộ luật tố Tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự. Bị đơn không đến Tòa án làm việc gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông H trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D.

Về con chung: Bà D và ông H có 01 con chung tên Trịnh Gia H1, sinh ngày 22/02/2006. Ly hôn giao cháu H1 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Bà D không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Đương sự pH chịu theo quy định pháp luật.

- Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông H cư trú tại xã B, huyện V, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện đăng ký kết hôn có giấy chứng nhận kết hôn năm 2007. Căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà D khởi kiện ly hôn nên Tòa án áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông H xảy ra từ năm 2012 đến nay, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không chăm lo cuộc sống gia đình, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hai vợ chồng đã tìm cách hòa giải, khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả; mặc dù vợ chồng chung sống cùng một nhà nhưng vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định nhưng ông H vắng mặt, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và không tham gia tố tụng tại phiên tòa, chứng tỏ ông H không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của mình.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì giữa bà D và ông H có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân đúng như bà D đã trình bày.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông H là có thật, đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn có sự quan tâm, chăm sóc nhau, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà D, bà D  được ly hôn với ông H.

[3] Về con chung: Bà D và ông H có 01 con chung tên Trịnh Gia H1, sinh ngày 22/02/2006. Ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1, ông H không cung cấp ý kiến về phần này. Nguyện vọng của cháu H1 mong muốn được sống chung với bà D. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D, giao cháu H1 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con bà D không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, ông H được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà D khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Lương Thị Hồng D khởi kiện về ly hôn nên pH chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân dân sự;

- Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về hôn nhân: Bà Lương Thị Hồng D được ly hôn đối với ông Trịnh Thanh H.

- Về con chung: Giao cháu Trịnh Gia H1, sinh ngày 22/02/2006 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, ông H được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Lương Thị Hồng D pH chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004856 ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự H1ện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

3. Bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo luật định.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Lợi, H1ện Vĩnh Cửu;
- VKSND H1ện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS H1ện Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Đại**